

SỐ 1523

LUẬN KINH ĐẠI BẢO TÍCH

Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi.

QUYỂN 1

*Quy mạng đáng cứu đời,
Vượt biển khổ bờ kia,
Đại bi hàng ma oán,
Con giải kinh Bảo Tích.
Mười sáu thứ trang nghiêm,
Nghĩa chân thật vi diệu,
Muốn pháp tồn tại lâu,
Để lợi mình, lợi người.*

Hỏi: Muốn giải thích kinh Bảo Tích, trước hết ông nên giải thích điều này: Do nghĩa gì mà gọi là Bảo Tích?

Đáp: Trong pháp báu của Đại thừa, hết thấy nghĩa sai biệt, tướng sai biệt của tất cả các pháp đều gồm thâu trong kinh này, cho nên gọi là Bảo Tích. Bảo Tích có nghĩa là tụ tập, gom góp, che mát, hòa hợp. Tên khác nhưng nghĩa chỉ có một.

Hết thấy pháp Đại thừa trong đó, Như Lai vì các Bồ-tát mà nói mười sáu loại tướng sai biệt. Đó là:

1. Tướng hành tà pháp: Bồ-tát nào đã hành tà hạnh như vậy, gọi là tướng hành tà pháp.
2. Tướng chánh hạnh: Là những Bồ-tát đã hành chánh hạnh, nên

gọi là tướng chánh hạnh.

3. Tướng lợi ích hành chánh hạnh: Bồ-tát đã trụ vào chánh hạnh, thì gọi là khéo hành hạnh bình đẳng pháp hạnh.

4. Các tướng sai biệt của việc thực hành các pháp hạnh.

5. Ở chỗ các Bồ-tát sinh tướng tâm từ, vì làm cho tâm sinh kính trọng, mà có tướng hành thuyết.

6. Bồ-tát trụ trong chánh hạnh mà học giới tướng.

7. Ở trong giới của Thanh văn và giới của Bồ-tát mà nói tướng hơn kém.

8. Tướng sai biệt của Bồ-tát đã khéo học giới Bồ-tát có thể bình đẳng với trí thế gian, mà làm lợi ích cho người khác.

9. Tướng sai biệt khi thọ nhận tạng Bồ-tát này được dạy tu tập giới của Thanh văn.

10. Tướng sai biệt của Sa-môn không khéo học.

11. Tướng sai biệt của Sa môn không học.

12. Tướng sai biệt của việc trụ vào danh tiếng, hành động giả tạo.

13. Tướng sai biệt của việc trụ vào sự chân thật tu hành.

14. Tướng sai biệt của Như Lai phương tiện hóa độ chúng sinh.

15. Tướng sai biệt của việc nói ra những lời bí mật, vi diệu.

16. Tướng sai biệt của việc đã được dạy bảo ở trong tạng Bồ-tát, khéo léo tin là có ích.

Trong kinh Đại thừa, Như Lai đã vì các Bồ-tát mà nói mười sáu loại tướng sai biệt như vậy. Trong pháp môn đó, tất cả các tướng kia hiện đang được nói đến.

Trong kinh Đại thừa pháp bảo này, tất cả mọi tướng nói đến đều được gồm thâu vào trong đó. Cho nên pháp môn mẫu nhiệm này mới gọi là Bảo Tích.

Hỏi: Vì sao tất cả các tướng trong kinh bảo Đại thừa chánh pháp lại được gồm thâu hết trong pháp môn này?

Đáp: “Ca-diếp! Có bốn pháp làm trí tuệ thoái mất. (...)” Như thế... là nói tám loại bốn câu thuộc về nhóm bạn xấu, gọi là tướng sai biệt của tà hạnh. Nay Ca-diếp Bồ Tát có được bốn kho tàng lớn để ẩn giấu (...). Như thế... là nói sáu loại bốn câu thuộc về tướng sai biệt của chánh hạnh lợi ích. Như vậy, hai mươi hai loại bốn câu đủ để nói các việc nhiễm, tịnh, thoái lui và lợi ích.

“Này Ca-diếp! Gọi là Bồ-tát chẳng phải đó chỉ là cái tên để gọi là Bồ-tát, (...)”. Như thế... nên biết đó là ba mươi hai loại tướng sai biệt .

“Nầy Ca-diếp! Công đức của Bồ-tát là vô lượng vô biên, Ta sẽ dùng thí dụ để diễn nói (...)”. Như thế... nên biết là nói rõ các tướng khác nhau đó. “Nầy Ca-diếp! Nên biết, Bồ-tát muốn học kinh Đại Bảo Tích này”, cho đến “khi như đèn thấp sáng, ấy là cái rễ của Thánh tuệ, còn sự tối tăm chính là các nghiệp kiết sử vậy (...)”. Đó được gọi là tướng sai biệt thuộc về trụ vào chánh hạnh, thâm nhiếp các giới. “Nầy Ca-diếp! Ví như trồng cây trong hư không, thì không thể sinh trưởng, từ xưa đến nay chưa có việc đó”. Cho đến “có khả năng xuất sinh vô lượng trăm ngàn Thanh văn, Bích-chi Phật (...)”. Như thế... là nói thí dụ về giới của Thanh văn và tướng sai biệt hơn kém trong giới của Bồ-tát.

“Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp”: Cho đến “từ trước cho đến nay hoàn toàn trong sạch (...)”, là nói tướng sai biệt gồm thâm cả trí thế gian và xuất thế gian mà hành sự lợi ích cho người khác, nên biết.

Nầy Ca-diếp! Các ông nên quan sát cái bên trong chớ chạy theo bên ngoài, ngay như người xuất gia cũng còn mang hai chứng bệnh: Một là ôm giữ tánh tăng thượng mạn mà tự điều phục tâm mình. Hai là phá hoại sự phát tâm Đại thừa của người khác.

Khi thọ nhận tạng Bồ-tát, phải bình đẳng gồm thâm như vậy, phải dạy bảo sự tu tập về giới tướng sai biệt của hàng Thanh văn.

Nầy Ca-diếp! Nên biết, Sa-môn là do nghĩa gì mà gọi là Sa-môn? Với lại, thế nào là Sa-môn? Nầy Ca-diếp! Có bốn loại Sa-môn. Cho đến câu: “Như vậy này Phổ Minh đó là Bồ-tát thông đạt pháp mau le”. Như vậy... là gồm thâm cả ba hạng Sa-môn trước. Nên biết, là nói tướng sai biệt của loại Sa-môn không khéo học.

Bấy giờ, Ma ha Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thật là hiếm có! Kinh Đại Bảo Tích này đối với người tu hành Đại thừa thật là có ích, nếu mà đọc tụng, thọ trì, sao chép kinh này, thì người đó chính là đã cúng dường chư Phật. Bồ-tát đã được truyền thụ như vậy rồi, nên biết, là họ sẽ gồm thâm những tướng hữu ích sai biệt để khéo léo có niềm tin. Trong Đại thừa như đã thuyết, là gồm thâm mười sáu loại pháp tướng sai biệt. Do vậy mà pháp môn này giảng gọi là Bảo Tích.

Đức Phật đang ở đại thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao trước phải nói rõ trú xứ của Phật?

Đáp: Nói chỗ ở của Phật, là muốn cho chúng sinh kính trọng nơi Phật cư ngụ. Chúng sinh biết quý trọng phước đức mà tỏ lòng tôn kính nơi này, thì căn thiện của họ sẽ lớn mạnh thêm. Vì vậy mà trước hết phải nói rõ trú xứ của Phật.

Hỏi: Tại sao pháp này chỉ nói ở thành Vương-xá mà không phải

là thành ấp khác?

Đáp: Vì giải thích pháp môn này phải là chỗ ở của pháp vương, mà Vương-xá là chỗ ở của vua, nên phải nói rõ là Vương-xá. Đại pháp môn này cũng vậy, trú xứ của pháp vương, do nghĩa này mà giải thích, nên nói là trụ ở thành Vương-xá.

Hỏi: Vì sao chỉ nói núi Kỳ-xà-quật mà không phải địa phương khác?

Đáp: Đức Phật nói pháp Đại thừa này với nghĩa lý có cao hơn so với thừa Thanh văn, Duyên giác. Cao hơn vì hạnh lợi mình, lợi người. Đồng thời còn có tám ngàn Đại Tỳ-kheo, một vạn sáu ngàn Bồ-tát cùng tập hợp.

Hỏi: Đã vì Bồ-tát mà nói rõ pháp môn này. Nên đại chúng này được gọi chung là Bồ-tát. Sau còn nói chúng Thanh văn là có nghĩa gì?

Đáp: Nói là chúng Thanh văn, vì có Thanh văn ở trong pháp Đại thừa còn có tâm nghi ngờ, nói vậy là để cho họ dẹp bỏ nghi đó. Hoặc có Thanh văn còn bất định, muốn giúp đỡ họ có chánh tín. Hoặc có người tự cho mình đã được thanh tịnh, muốn họ xả bỏ tâm thanh tịnh đó. Hoặc có Thanh văn cho mình đã biết các kiết sử, nên trong pháp Phật chẳng còn gì để tu. Nghĩa là đã dập tắt những chướng ngại của phiền não, tâm nảy sinh mình đã được lợi ích, vì muốn làm xa lìa tâm ngạo mạn ấy, nên trong pháp môn này, vì các Bồ-tát mà nói về pháp dập tắt các phiền não chướng. Vì phiền não chướng và diệt trí chướng mới nói pháp môn này, chứ không có mục đích nào khác. Nó vượt lên trên cả quả báo cao tốt nhất của Thanh văn, Duyên giác.

Hỏi: Chúng Thanh văn và Bồ-tát này từ đâu đến?

Đáp: Trong đời vị lai có kẻ nghi hoặc, vì muốn dẹp bỏ nghi hoặc đó, trong kinh có nói: Từ cõi nước của chư Phật ở phương khác họ tập hợp về đây.

Hỏi: Vì sao nói họ đều đạt được bất thoái chuyển?

Đáp: Đạt được không thoái chuyển là đã đầy đủ bốn nhẫn. Người chứng đắc một đời, nghe thuyết về pháp sâu xa này đều có thể dùng làm pháp khí.

Hỏi: Các Bồ-tát này từ cõi nước chư Phật phương khác đến, vậy thì cõi nước này có lợi ích gì? Trong thế giới đó, mỗi Như Lai đều đã giảng nói pháp.

Đáp: Vì lợi ích chúng sinh. Trong thế giới này cũng có chúng sinh, mà các Bồ-tát kia vốn đã nhận giáo hóa. Đã thấy vốn là đồng tu các

hạnh, đó là lạc kiến vậy. Pháp giáo hóa của các Bồ-tát xưa kia là ở sự nhận lãnh hạnh này. Các phương khác cũng có vô lượng chư Phật, nhưng vì muốn cho chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, cung kính, tôn trọng, hoi han, thân cận, nên nói là vô lượng Phật. Cũng vì muốn cho chúng sinh phát khởi tâm dũng mãnh, tinh tấn, không mỏi mệt.

Hơn nữa, Đức Thích-ca Như Lai xưa kia đã từng giáo hóa, các Bồ-tát nhớ lại việc hóa độ ngày xưa và việc tu tập các hạnh nguyện, nên đã từ phương khác đến để được gần gũi với Như Lai.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói nhiều về Bồ-tát, mà ít thấy nói đến Thanh văn?

Đáp: Sở dĩ Đức Phật nói nhiều cho chúng Bồ-tát là vì Ngài muốn biện minh các hạnh Bồ-tát trong pháp môn này. Ngài đã thấy cùng tận nguyên nhân nên nói cho các Bồ-tát.

Hỏi: Tại sao trước hết Phật lại nói cho chúng Thanh văn?

Đáp: Vì Ngài muốn cho chúng Thanh văn gia tăng khả năng vâng giữ pháp mà Ngài đã giảng nói.

Hỏi: Tại sao gọi các Bồ-tát từ phương khác đến, tập hợp nơi đây đều đã được “Nhất sinh”?

Đáp: Nói vậy để cho sự lười biếng, ngã mạn không khởi lên. Họ đến là để cầu chánh pháp, đối trị với hoạn nạn. Nói vậy để họ tự thấy mình ưa thích chánh pháp, nên mới từ phương xa đến tham dự, chứ không phải tùy thuận theo tâm của người khác.

Đức Thích-ca thành đạo từ xa xưa, ở trong thế giới của chư Phật. Các Bồ-tát này đã chứng quả vị Phật, còn vì pháp mà đến, hướng chi là những người khác sao lại không đến?

Hỏi: Vì lẽ gì Như Lai chỉ nói pháp này với Bồ-tát Ca-diếp mà không nói với Bồ-tát khác?

Đáp: Khi Như Lai dạy bảo Bồ-tát Ca-diếp, là Như Lai đã biết trước Bồ-tát Ca-diếp có đủ khả năng nhận lãnh, nên mới chọn, chỉ có điều Bồ-tát Ca-diếp chưa biết điều ấy, lại chưa chánh tín. Đức Thích-ca khi thành đạo đã tri giác sâu xa, chánh tín với nghĩa lý Đại thừa, trong đó tà hạnh cũng đã được gồm thâu.

Về tám loại bốn câu, các tướng từ trên sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Nói về việc tương tà hạnh làm thoái lui trí tuệ.
2. Bốn câu thứ hai: Nói về trí tuệ mà đã mất rồi, thì chánh niệm cũng lãng quên.
3. Bốn câu thứ ba: Chánh niệm mất rồi thì bạch pháp cũng diệt mất.

4. Bốn câu thứ tư: Bạch pháp mà diệt rồi thì chẳng còn là hạnh Bồ-tát, mà tựa như tướng của tâm ác.

5. Bốn câu thứ năm: Đã hành theo tướng tâm ác thì khó điều phục.

6. Bốn câu thứ sáu: Đã khéo điều phục thì hành động đều là tà đạo.

7. Bốn câu thứ bảy: Đã hành tà đạo rồi, thì không nên thân cận mà lại hay thân cận.

8. Bốn câu thứ tám: Không đáng thân cận mà đã thân cận rồi, thì sẽ không hỗ trợ được gì cho hạnh Bồ-tát, mà trở thành tà hạnh.

Để đối trị với tà hạnh này, chánh hạnh cũng gồm thâu tám loại bốn câu, các tướng ở trên sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Nói về trí hỗ trợ đạo đầy đủ sẽ khiến không lãng quên chánh niệm.

2. Bốn câu thứ hai: Đã khiến chánh niệm không lãng quên, nên trí trợ đạo càng tăng trưởng.

3. Bốn câu thứ ba: Chánh niệm không quên mất thì bạch pháp tăng trưởng.

4. Bốn câu thứ tư: Bạch pháp tăng trưởng rồi, thì hành tướng tựa hạnh tâm tướng Bồ-tát.

5. Bốn câu thứ năm: Tâm hành không ác thì sẽ khéo điều phục.

6. Bốn câu thứ sáu: Đã khéo điều phục rồi thì sẽ hành chánh đạo.

7. Bốn câu thứ bảy: Đã hành theo chánh đạo rồi, thì người nên thân cận, tìm cách thân cận.

8. Bốn câu thứ tám: Người nên thân cận đã thân cận được rồi, thì tùy theo các hạnh mà Bồ-tát đã hành, làm theo để thành chánh hạnh.

Trước đã nói về lợi ích của chánh hạnh. Lại có sáu loại bốn câu. Các tướng trên đó sẽ lần lượt giải thích:

1. Bốn câu đầu: Bồ-tát đã hành nhiều chánh hạnh rồi, thì nên tu tập để thành tựu phước đức trí tuệ.

2. Bốn câu thứ hai: Dựa vào công đức, trí tuệ đã tu tập được, xua tan chướng ngại để được trong sạch.

3. Bốn câu thứ ba: Dựa vào chướng ngại đã sạch, làm cho hết thấy pháp môn hỗ trợ việc tu tập cho thông đạt một pháp môn.

4. Bốn câu thứ tư: Dựa vào sự tu tập hết thấy bạch pháp môn, hết thấy tướng, hết thấy loại, vì lợi ích của hết thấy chúng sinh, lại tiếp tục tu hành vô lượng công đức.

5. Bốn câu thứ năm: Đã tu hành vô lượng công đức, sẽ khiến vượt qua trụ địa vô minh.

6. Bốn câu thứ sáu: Dựa vào việc đã vượt qua trụ vào địa vô minh, sẽ làm cho họ đạt được địa vô chướng ngại.

Trên đây đã lần lượt nói hai mươi hai loại bốn câu. Từ đây về sau sẽ theo trình tự trở lại giải thích bốn câu trước đó, nên biết.

Kinh nói: Nầy Ca-diếp! Có bốn pháp làm thoái lui trí tuệ của Bồ-tát.

Hỏi: Vì nghĩa gì mà thốt ra lời này?

Đáp: Người tu hành Đại thừa thì đạt được phương tiện Bồ-đề vô thượng. Kẻ ngu si thì sẽ giúp họ sự chỉ bày. Kẻ phóng dật thì khiến họ siêng năng, tinh tấn. Kẻ yếu hèn có tâm niệm nhỏ hẹp, thì khuyên bảo hỗ trợ họ, an ủi khuyến dụ, khiến họ phát khởi ý rộng lớn. Người hành chánh hạnh thì vì họ mà khen ngợi.

Hỏi: Rõ ràng bốn pháp, về số là không có nghĩa, mà sao lại nói tự thể sáng suốt?

Đáp: Về toán số là bốn. Nói theo nghĩa gồm thâu, chớ nó rộng không cùng tận, phòng hờ người nghe không ham nghe nhiều, phải gồm thâu bằng số mới khiến họ nhớ dễ dàng, như sợi dây xoắn các hoa không làm cho nó rời rạc.

Hỏi: Vì sao chỉ nhất định có bốn mà không nhiều cũng không ít?

Đáp: Để ngăn ngừa những câu hỏi không cùng tận và vô nghĩa. Lại có thí dụ cho là để giúp cho kẻ bị lười mất ba thứ trí có thể gồm thâu trí lại. Vì thế nên nói bốn pháp.

Lại có ý khác cho là nói giản lược thì có ba thứ trí tuệ: Văn, Tư, Tu. Trong đấy, ba pháp trước, đa số đều chỉ rõ việc mất hết trí tuệ, về Văn (Văn tuệ). Pháp thứ tư đa số đều chỉ rõ mất hết trí tuệ về tư duy, tu tập (Tư tuệ, Tu tuệ) v.v... Vì thế, nên nói có bốn pháp.

Thứ đến là chỉ ra tướng gần trong các pháp, lần lượt giải thích về nghĩa khác nhau.

Khi Phật bảo Ca-diếp là nhằm khuyên bảo thính chúng, kể cả đồ đệ của thính chúng, phải nhất tâm lắng nghe, không nghĩ đến chuyện gì khác.

Vì pháp là xả bỏ đối với người, cho nên nói là “nghe pháp”. Nếu không nói là pháp thì sẽ có người sinh nghi: Phật vì nói pháp hay là nói về người?

Hỏi: Trước đây có nói đến Bồ-tát. Vì nghĩa gì nên gọi là Bồ-tát?

Đáp: Là người tu hành Đại thừa. Tên gọi Bồ-tát được gồm thâu

nhiều nghĩa. Nay nói giản lược có ba nghĩa, nên biết: Đức tin, Tu hành, Chứng ngộ.

Thế nào là đức tin? Vì giác ngộ nên được trí tuệ rất sâu xa, để có khả năng khuyên bảo người khác cùng giác ngộ như mình.

Thế nào là tu hành? Vì nguyên nhân là đem lại lợi ích cho mình và lợi ích cho người, thường thực hành Bồ-đề vô thượng.

Thế nào là chứng ngộ? Là dùng năng lực trí tuệ khiến đạt được đạo Bồ-đề vô thượng.

Lại mất trí tuệ là chứng tỏ trong hai thời có hai điều mất mát:

1. Mất cái đã được.
2. Mất cái sẽ được.

Vì sao lụi lại, sao là mất? Mất ở trong pháp vô lậu là mất cái sẽ được. Còn mất cái đã được là ở thế gian. Hai thời đều cùng mất, vì không biết phân biệt hơn kém nên nói là lụi mất trí tuệ.

Hỏi: Pháp vô lậu cũng mất chằng?

Đáp: Nếu giải thích thì không phải thế. Nói lụi mất trí tuệ là vì muốn nói rõ không buông lung. Vì muốn cho biết các pháp tạo tác (tác pháp) trong những việc đã làm, nên nói lụi mất trí tuệ. Vì sao? Vì trí hữu lậu là nhân trợ đạo cho trí vô lậu. Trí hữu lậu này đã được mà mất thì trí vô lậu chưa được cũng mất. Cho nên cả hai đều mất là vậy. Trí vô lậu mất là do không được. Đã chứng ngộ thì trí vô lậu không có sự lụi mất.

Hỏi: Vì sao không tôn trọng pháp khiến Bồ Tát bị lụi mất trí tuệ?

Đáp: Vì giận ghét pháp, nên không kính pháp. Vì không kính pháp nên không chịu lắng nghe. Vì không lắng nghe nên không hiểu biết. Vì không hiểu biết sáng suốt, tức là tỏ dấu lụi mất trí tuệ.

Keo kiệt với các pháp: Đối với các pháp đã thọ nhận lại giấu kín không nói hết, nên người ta không lắng nghe. Vì không lắng nghe nên các điều kiện sẽ không đầy đủ trong đời vị lai, nhân duyên không đủ nên lụi mất trí tuệ. Với người ưa chuộng chánh pháp mà gây khó khăn cho họ, nói nhiều những chuyện gây hư hỏng tâm trí họ, tức là nói có lời lẽ nói khác đi. Ai phạm tội che giấu không thể sám hối lỗi mình v.v... Cho nên, mắc phải quả báo làm chướng ngại nghe pháp. Vì mắc phải quả báo làm chướng ngại pháp đã nghe, nên nhận lấy nhân ngu si. Thế nên đời vị lai nhất định ngu si. Do ngu si, nên trí tuệ bị đẩy lùi. Tâm kiêu căng, tự cao, tự khen mình, chê người, rồi gây thù hận với người. Vì đã có oán hận với người, nên nói ngược ngạo với họ. Vì đã ăn nói ngược ngạo, nên sẽ mắc phải ngược ngạo trong đời vị lai. Vì mắc phải ngược ngạo, nên đã lụi mất trí tuệ.

Hỏi: Lùi mất trí tuệ từ lúc nào?

Đáp: Trong hai thời tức là hiện tại và vị lai.

Hỏi: Như các pháp bố thí v.v... cũng là lùi mất, vì có kẻ keo kiệt v.v... với các pháp. Tại sao chỉ nói nguyên nhân lùi mất trí tuệ mà không nói nguyên nhân lùi mất bố thí v.v...?

Đáp: Vì trí tuệ dễ mất, nên nói trước. Vì Bồ-đề là thể tánh của trí. Còn các Ba-la-mật khác thì phát sinh từ trí kia và dựa vào trí. Bồ-tát ở trong trí mà đã có tà hạnh thì không được gọi là chánh hạnh đối với Bồ-đề và pháp hỗ trợ Bồ-đề. Do vậy chỉ nói đến nguyên nhân lùi mất trí tuệ mà không nói nguyên nhân lùi mất bố thí v.v...

Như thế, không kính trọng pháp v.v... bốn câu nói về là nguyên nhân lùi mất trí tuệ, nói rõ bốn pháp không thích nghe v.v...

Trong đây, không cung kính, tôn trọng là nói rõ vì không ưa nghe, nên keo kiệt pháp. Vì không nghe, nên chướng ngại pháp của người khác, sẽ mắc phải quả báo chướng ngại không nghe. Vì ngã mạn, vì tâm niệm ganh ghét, nên nói ngược ngạo. Như thế, trí không thể hỗ trợ cho nghe v.v... nên lùi mất trí tuệ.

Bốn pháp này, còn muốn nói đến tướng trí khác, có nghĩa là sống với bốn pháp ăn năn trong hiện tại và vị lai. Bốn pháp đó là:

1. Không có khả năng sinh hiểu biết.
2. Các duyên không đủ.
3. Giúp thêm phước báo cho ngu si.
4. Và bị ngược ngạo.

Vì dựa vào không lắng nghe pháp, nên trong pháp hiện tại không phát sinh hiểu biết đúng đắn. Do không lắng nghe pháp, nên trong đời vị lai, các duyên sẽ không đầy đủ. Do nghe chướng ngại, nên sẽ nhận lấy báo ngu si trong đời vị lai. Do tâm ganh ghét mà ăn nói ngược ngạo, nên trong đời vị lai sẽ nhận lấy quả báo điên đảo.

Hỏi: Không tôn trọng, cung kính pháp và không kính trọng Pháp sư, hai câu này được lặp lại là có ý nghĩa gì?

Đáp: Cách nói trùng hợp trong hai câu này là chỉ rõ đầy đủ ý nghĩa không ưa nghe. Nếu người nào giận dữ, chê bai, thì họ không kính trọng pháp, nên không nghe pháp đó. Kính trọng Pháp sư thì ưa lắng nghe pháp. Còn kẻ giận hờn thì không kính trọng Pháp sư, nên không lắng nghe pháp. Cũng có số người giận hờn, nhưng còn biết kính trọng pháp, số người đó còn có thể lắng nghe pháp. Nếu có đủ sự giận dữ, chê bai, không kính trọng, thì những chúng sinh đó không còn cách gì để lắng nghe pháp. Thế nên, hai câu này được nói lặp lại nhằm chỉ rõ đầy đủ ý

nghĩa không ưa nghe pháp.

Hỏi: Keo kiệt với các pháp đã hiểu, giữ các pháp bí mật không nói hết, thì hai câu này có ý nghĩa gì?

Đáp: Keo kiệt với các pháp là thấy mình hiểu biết hơn những gì mà người khác biết, nên giữ bí mật không chịu nói hết chánh pháp. Giữ bí mật là để đề phòng về sau sẽ có kẻ không kính trọng và sợ họ sẽ giỏi hơn mình. Hoặc còn có nghĩa nữa là dù có thỉnh cầu hay không thỉnh cầu, một mực vẫn không nói pháp. Do bần sển tiếc pháp, hoặc do có mục đích, hoặc lại không nói được, hoặc vì tánh keo kiệt mà hủy bỏ chánh pháp. Từ bỏ chánh pháp, chính là làm hư hỏng tâm mình. Còn hiểu pháp mà cố giữ bí mật không nói hết vì keo kiệt, thì đó là hạnh xấu.

Có người ưa pháp mà lại gây khó khăn cho họ nghe những chuyện rắc rối là có ý phá hư tâm họ. Hoặc bảo là có lời nói khác: Người nào đã phạm tội che giấu thì không thể sám hối lỗi mình. Những câu nói như thế còn có nghĩa nào khác? Người ưa pháp mà lại bị gây khó khăn bằng cách nói là có lời lẽ nói khác.

Hỏi: Ưa pháp mà bị gây khó khăn là sao?

Đáp: Là nói những chuyện làm bại hoại tâm niệm người ta, hay quả trách, nói là có người nói: Người nào phạm tội che giấu thì không thể ăn năn sám hối tội lỗi của mình. Thế nào là làm hư hoại pháp trong lòng người do nói cho họ nghe chuyện xấu ác? Hết thấy pháp là từ người ham nghe. Chánh pháp kia với con người ưa nghe đó, thế mà đã không nói thật, nói vô nghĩa, mà lại còn bảo: Ta có khả năng nói đủ thứ thì nói cách đó sẽ là khiến người ta không còn ham nghe.

Hỏi: Nói các lý do quả trách v.v... là thế nào?

Đáp: Là đã nói không đúng đắn, lời nói lại không hạn chế. Hoặc đối với kẻ còn ưa nghe pháp, lại hỏi họ những câu gút mắc, khó khăn. Khi nghe những câu hỏi rắc rối đó thì họ không nghe pháp nữa, cũng không còn thích nghe.

Hỏi: Thế nào là không thể nói lời giáo huấn người khác?

Đáp: Là được thỉnh mà không nhận. Có người ưa chánh pháp đến xin hỏi việc nói pháp, nhưng vì mình vốn đã keo kiệt pháp, nên không nói cho họ. Vả lại, cũng không chỉ cho người ta thỉnh cầu Pháp sư khác v.v... Và nếu người đó có ý muốn thỉnh hỏi Pháp sư khác, thì mình lại tỏ vẻ không bằng lòng cho phép.

Hỏi: Che giấu là gì?

Đáp: Nói với người nghe pháp, quả trách chúng đang nghe pháp

và với pháp thì lại nói: Các ông là những người không có trí, mà pháp này rất sâu xa, các ông không thể nào nhận biết một cách thông suốt được... Vì đã nói với chúng nghe pháp, đã che giấu chánh pháp, lý do cản trở pháp như thế, sẽ dẫn đến quả báo nạn xứ (bát Nạn). Tâm kiêu ngạo, tự cao, khen mình, chê người thấp kém. Những câu như thế có ý nghĩa gì? Sự kiêu căng, ngạo mạn được nói trong câu đầu, thì kiêu căng, ngạo mạn là thế nào? Là tự khen mình tốt đẹp, rồi chê bai mọi người.

Thế nào là khen mình tốt đẹp? Nghĩa là những điều mình nói đều không tốt, việc tu hành không chân chánh, nhưng khi thấy những gì mà người khác nói là tốt, tu hành chân chánh, thế trong đó để lộ tâm ngạo mạn, ganh ghét.

Thế nào là chê bai người khác? Đối với người khéo nói pháp, khéo tu hành, thì nảy sinh ý nghĩ không tốt, nói họ tu hành không tốt, luôn có tư tưởng kiêu căng, ngạo mạn, tâm ganh ghét. Do vậy họ không có khả năng chứng được trí tuệ chánh giác. Trí chứng này gồm thâu hết mọi pháp.

Nói tóm lại:

1. Chỉ bị lùì mất.
2. Lùì mất như thế nào?
3. Do thời gian nào lùì mất?
4. Hết thấy pháp đã có được đều lùì mất.

Bốn lý do vừa nêu là đã chỉ rõ.

Lùì mất ở nơi nào? Đó là ở trong trí tuệ. Còn lùì mất như thế nào? Do tư tưởng nào mà lùì mất? Thì đã giải thích ở trước.

Thời gian nào lùì mất trí tuệ? Là hiện tại và vị lai. Pháp đã có mà lùì mất là làm sáng tỏ bốn pháp không kính trọng v.v... Đã có bốn pháp không kính trọng này, thì có thể làm cho trí tuệ bị lùì mất, làm chướng ngại chánh pháp.

Nói về bốn pháp đối trị. “Lại nữa, này Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp thành tựu đại trí tuệ là cung kính, tôn trọng pháp, kính trọng các Pháp sư...” Tùy thuận thực hành sự cung kính này là nhân pháp, tạo được nhân đại trí tuệ. Bốn thứ trí tuệ sẽ phát sinh là:

1. Khởi đầu.
2. Thành thực.
3. Trợ đạo đầy đủ.
4. Có khả năng thành tựu Bồ-đề.

Nhưng sự cung kính đó phải có ưa chuộng nghe pháp. Đã được nghe pháp rồi thì trí tuệ sẽ phát sinh. “Theo các pháp đã nghe mà đọc

tụng, ghi nhớ, đem tâm niệm trong sạch giảng nói cho mọi người mà không mong cầu một mảy may danh vọng, lợi dưỡng, cung kính nào v.v...” Là làm cho được giáo hóa cho mọi người để thành thực được tâm trí của mình”. Khéo biết trí tuệ từ đa văn sinh ra gắng sức tu hành tinh tấn, không lười biếng, như chữa lửa cháy trên đầu. Nghe pháp đọc tụng, ghi nhớ, ưa thực hành đúng theo lời Phật đã nói, nhưng không lệ thuộc vào lời nói”. Là thường mong muốn nghe nhiều (đa văn). Vì khi được nghe pháp nhiều, thì nhớ chắc không quên, đầy đủ trí trợ đạo. Khi thực hành không tùy thuộc vào lời nói và âm thanh, mà chỉ chú trọng ở chỗ chân thật mà hành, mới có thể đạt được trí tuệ Bồ-đề.

Sự kính trọng pháp và kính trọng Pháp sư ở đây là để đối trị với kẻ không kính trọng pháp, nên biết.

Theo các pháp được nghe mà đọc tụng, thọ trì, nhớ chắc, thì nghe là do Nhĩ thức; đọc tụng, vâng giữ, ghi nhớ là do Ý thức. Hoặc nghe là văn tuệ, đọc tụng, vâng giữ là tư tuệ.

Kinh nói: “Đem tâm trong sạch giảng nói rộng rãi cho mọi người” là để mình từ bỏ tâm keo kiệt, ganh ghét. “Không mong cầu tất cả danh vọng, lợi dưỡng, cung kính v.v...” Là nguyên nhân khởi bợn sèn pháp.

Lợi dưỡng là y phục v.v..., cung kính là lễ bái v.v..., tiếng đồn là những lời khen ngợi, tán dương các công đức. Dùng đa văn làm trí cần trợ cho văn tuệ phát sinh.

Đã như cứu lửa đang cháy trên đầu, đó là việc phải tu hành để cầu văn tuệ. Vì cầu văn tuệ sẽ khuyến khích sự chuyển biến sáng suốt để tu tuệ. Như có người bị cháy đầu, cháy áo, thì họ phải bỏ mọi chuyện để lo cứu đầu, áo. Bồ-tát cũng như vậy. Biết văn tuệ là nhân của trí, trí này cũng có khả năng là nhân để được Nhất thiết trí. Chuyên cần siêng năng mong cầu nghe nhiều là vì lợi ích mình và người. Tùy pháp đã được nghe mà đọc tụng, vâng giữ và hành đúng theo lời Phật đã nói. Hoặc do nghe pháp mà hiểu được nghĩa, đó là thuận hành nên có khả năng phát sinh trí như thuận. Không phải chỉ có âm thanh và lời nói, không phải chỉ mong cầu được nghe, không phải chỉ nghe miệng nói, vì có khi lời nói vô nghĩa, hoặc lời họ đã nói không có lợi ích xuất thế gian. Tùy theo trình tự giải thích, không cung kính tôn trọng pháp và thuận theo pháp mà hành pháp, thì trở thành keo kiệt với các pháp. Do keo kiệt với pháp rồi, nên đối với người ưa mong cầu chánh pháp sẽ gây rắc rối, giữ bí mật, không nói cho người ta. Ba yếu tố đó đã làm nhân cho sự mất trí tuệ. Đã không có trí thì kiêu ngạo khởi lên. Sẽ được đối trị bằng pháp trắng: Tôn kính pháp là tu hành đúng với chánh pháp và

pháp kế là từ bỏ tâm keo kiệt, sển tiếc pháp. Phải theo pháp được nghe mà giảng nói rộng cho mọi người. Vì ham chánh pháp nên mong cầu được nghe nhiều, học rộng, được nghe nhiều học rộng tức là có thể thực hành hạnh lợi mình, lợi người. Theo lời dạy mà tu hành để không vướng mắc ở ngôn ngữ.

Tâm Bồ-đề chỉ là trí căn bản. Nhất thiết trí chỉ lấy tâm Bồ-đề làm gốc. Do vậy không quên mất tâm Bồ-đề. Dù quên mất tâm Bồ-đề nhưng không quên nguyên nhân của các pháp.

Đức Phật bảo Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp quên mất tâm Bồ-đề. Bốn pháp đó là: Khi dễ, lừa dối A-xà-lê v.v...

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp có khả năng quên mất tâm Bồ-đề mà không nhiều, không ít ?

Đáp: Vì sự quên mất này có bốn thứ. Nói gọn là:

1. Tà tín nên quên mất tâm Bồ-đề.
2. Tin điên đảo nên quên mất tâm Bồ-đề, nhận thấy có lỗi đối với tâm Bồ-đề.
3. Các pháp lãnh thọ đều là giả danh của tâm, nên quên mất tâm Bồ-đề.
4. Đạt được pháp thể tâm nên quên mất tâm Bồ-đề.

Trong bốn thứ quên mất này, có bốn thứ nguyên nhân đối trị theo thứ lớp như thế, nên biết. Kinh khi, lừa dối A-xà-lê, Sư trưởng v.v... là nói dối trước mặt Sư trưởng, đã phạm tội mà không phát lộ sám hối, lại lừa gạt, nói dối, nên trở thành kinh khi lừa dối Sư trưởng.

A-xà-lê là người có thể can gián và khuyên răn, trao truyền. Chiếu theo giới điều mà người kia đã vi phạm để khuyên răn họ nên phát lộ sám hối, bảo với họ việc này không nên làm. Trước đây phạm tội họ muốn sám hối để tiêu tội, thì A-xà-lê nói các phương tiện: Ông nên nghĩ như thế này: Sư trưởng là người có thể giúp lợi ích, dùng lời hiểu dụ của Thánh, dù không phải là Sư trưởng, nhưng vì người đó đã có các công đức, thương xót và ưa khuyến khích dứt bỏ ác, tu thiện. Vì đã phạm tội, nên khiến người kia nói dối và quên mất. Do nghĩa đó, nên càng làm cho nghiệp báo của họ phát triển thêm lên, trở thành kẻ tà tín và quên mất tâm Bồ-đề, nên biết. Nếu người đó không có khả năng làm cho quên mất tâm Bồ-đề, nhưng vì người đó đã tập thói nói dối và làm chướng ngại cho việc thành tựu giới nên đã quên mất tâm Bồ-đề. Đó gọi là nguyên nhân ban đầu. Khiến cho kẻ không hoài nghi hối tiếc lại sinh tâm ngờ vực, hối tiếc. Khiến người đồng tu phạm hạnh không nghi ngờ mà sinh điên đảo, nghi ngờ. Khiến người tu hành giới hạnh chân

chánh trong phạm hạnh khởi tâm nghi hoặc giới cấm.

Như vậy, người đồng phạm hạnh kia không chí tâm cung kính mà với tâm niệm quanh co nịnh, sinh nghi hoặc đối với giới luật, từ đó phát sinh nghiệp chướng sâu nặng. Vì lẽ đó tâm Bồ-đề của họ bị đảo ngược, không chánh tín, không thấy lỗi. Cho nên thì mất tâm Bồ-đề. Nếu người đó không thể làm cho người khác nghi hoặc thì tìm cách chê bai việc nói pháp, làm cho người ta mất tâm Bồ-đề. Đấy gọi là nguyên nhân thứ hai.

“Quở mắng, chê bai, bêu xấu người tu đại thừa”. Nghĩa là đối với người ưa tu học chánh pháp tùy theo pháp nào có lợi ích đều khiến cho họ đi ngược lại sự ích lợi của chánh pháp. Còn nếu ai tin ưa tu tập Đại thừa, thì phá hoại họ bằng cách quở mắng, chê trách, bêu xấu, nói lên lời không tốt đẹp, thốt ra lời nói phá hoại, không lợi ích.

Lời nói không lợi ích ở đây là lời nói không tốt lành. Bêu xấu là vạch lỗi lầm của người ta, bảo người ta là phá giới, người ta thốt ra lời nói cho là ác. Vạch khuyết điểm của mọi người bằng cách bảo đó là phi phạm hạnh, người nói phân biệt là không xứng công đức, tùy thuộc vào lời nói cụ thể mà cho là xấu. Do có những việc như thế, nên người kia đem những chuyện như thế nhắm vào Bồ-tát để nói lời không lợi ích, rạch ròi, bêu xấu.

Người muốn tu tập Đại thừa như vậy dễ thoái lui và bị mê hoặc. Người ấy nhắm thẳng Bồ-tát với tâm không cung kính, nên dù Bồ-tát được bao nhiêu công đức, thì họ cũng đều che giấu. Do vậy, sự ác độc và nghiệp chướng của họ càng sâu nặng hơn. Và cũng do vậy, nên những gì mà tâm đã tu tập giới trước đây đều bị diệt hết. Trường hợp không che giấu được công đức chân thật của Bồ-tát, thì giới của người đó bị chướng ngại, tâm bị lụi mất. Đấy gọi là nguyên nhân thứ ba.

Đem lòng quanh co nịnh sống với người không có lòng chân thật. Những ai muốn các Pháp sư vạch rõ các việc bí mật thì họ lại làm tâm kẻ đó mê hoặc.

Dua nịnh ở đây là dối trá, không có tâm chân thật mà sống với người khác. Quanh co là tâm nịnh hót, lừa dối, không có tâm chân thật cùng tùy thuận với người. Họ nhờ các Pháp sư chỉ bày từng chương thực hành các việc bí mật. Họ theo các Pháp sư để được lắng nghe pháp sâu xa vi diệu. Nghe được rồi mà hề có ai tu hành Đại thừa, thì họ chê bai người ta. Từ ý nghĩa đó mà nghiệp ác thêm sâu khôn lường. Đáng lẽ được tâm thuận pháp, nhưng do nghiệp chướng đó mà trở thành xa pháp, tâm lụi mất. Nếu không có khả năng chê bai sự xa lìa thì người

đó cũng bị u tối trong giới cấm, tâm cũng bị lùì mất.

Nói tóm lại, lùì mất cái gì? Tâm lùì mất lúc nào? Sẽ hành động ra sao trong pháp hiện tại, đã qua, sẽ đến? Có những tướng gì biểu lộ không cung kính, bất chánh với các thầy và bậc tôn trưởng? Đủ bốn pháp đó. Đây tiếp nói rõ bốn pháp thiện đối trị bốn pháp vừa nói.

Kinh nói: “Cho dù phải bỏ mạng, Bồ-tát vẫn không cố ý nói dối”. Đó là bảo vệ năm chắc lời nói thật. Vì bảo vệ lời nói thật cho nên không tiếc thân mạng. “Huống gì nói đùa giỡn”. Ấy là đối với tội dù rất nhẹ và nhỏ, Bồ-tát vẫn cảm thấy rất sợ hãi. “Bồ-tát thường sống chân thật đối với người tông sư”, ấy là do từ bỏ tâm dua nịnh, vô ngã. Lòng chân thật là tâm thật, vì luôn tùy thuận, thân cận, lìa khỏi tai họa của Vô ngã. Bồ-tát thân cận như thật, không thể hiện hành động danh tiếng giả tạo, xa lìa dua nịnh, quanh co, xa lìa cái tâm không điều phục niệ̣m ác. “Đối với tất cả Bồ-tát luôn nảy sinh tư tưởng họ là Thế Tôn, nên vì các Bồ-tát mà trong bốn phương luôn ca ngợi công đức” là tùy theo những lợi ích có được từ các pháp do Bồ-tát mà khen ngợi. “Chính Bồ-tát không yêu thích các pháp của Tiểu thừa. tùy theo từng chúng sinh mà có sự giáo hóa, khiến chúng sinh đều được đạo Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”. Nghĩa là Bồ-tát không ưa Tiểu thừa hạn hẹp, nó làm cho mình hèn yếu đi. Bồ-tát đã tu hành từ những nghĩa thù thắng, phải nắm lấy ý muốn gồm thâu chúng sinh để giáo hóa. (Các câu này sẽ được lần lượt giải thích lại sau)

Kinh khi lờn dối A-xà-lê v.v... là không cúng dường, cung kính A-xà-lê, Sư trưởng v.v... Trong giới pháp không nảy sinh ý thức nhanh chóng ân cần, tôn trọng, bản thân không biết hổ thẹn, ăn năn tội lỗi, thấy người khác có tánh hổ thẹn, ăn năn tội lỗi, thì lại làm cho họ sầu não, càng khiến tâm họ không được yên vui, càng làm cho họ buồn rầu thêm.

Mình đã không biết hổ thẹn mà đi khuyên bảo kẻ khác ăn năn tội lỗi công khai. Đối với người tu học Đại thừa, thì nói các việc xấu ác là nhằm chê bai người mới phát tâm Bồ-đề. Vì không có tâm niệ̣m đem lợi ích cho người khác, nên sống với người bằng tâm niệ̣m quanh co, dua nịnh chứ không phải với tấm lòng thật thà chân thật.

Lại có các câu “không mất” sẽ lần lượt giải thích kỹ. Dùng lời nói thật là tích tập nhân tố không quên tâm Bồ-đề, không mất tâm Bồ-đề, là đã phát khởi tâm làm lợi ích cho chúng sinh. Trong tự thân Bồ-tát có vô lượng các pháp hy hữu, biết rồi thì kính trọng tâm Bồ-đề và nguyên nhân của Nhất thiết trí. Đối với tâm Bồ-đề, tất cả Bồ-tát đã nảy sinh

tư tưởng họ là Thế Tôn rồi. Vì kính trọng tâm Bồ-đề, nên đã giáo hóa chúng sinh, và Bồ-tát khuyến khích tất cả chúng sinh đồng hướng về quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Không ưa thích mong cầu thực hành pháp hẹp hòi, yếu kém của Tiểu thừa. Tâm Bồ-đề là đúng nghĩa của Bồ-tát.

Hỏi: Nếu là Bồ-tát mới phát tâm: Ta sẽ thành tựu quả vị Chánh giác, thì tâm Bồ-tát có tánh gì? Còn có tướng gì? Có những nhớ nghĩ gì? Có công đức gì? Có việc thù thắng nào? Do đâu được gồm thâu? Vì ai làm căn bản? Cái gì là nguyên nhân chí khí hiện tại? Nương tựa vào đâu?

Đáp: Câu hỏi đầu thì Bồ-tát lấy chánh nguyện làm tánh. Chả lẽ vì mong cầu tướng Bồ-đề mà tướng niệm và nhớ nghĩ chúng sinh. Vì nhân của Nhất thiết trí là vô lượng công đức, nên lập nguyện trên cả thế gian, Thanh văn và Duyên giác. Vì thắng tín địa đã gồm thâu căn bản của Bồ-đề vô thượng.

Từ bi là nhân của chí khí trong hiện tại, là giới mà Bồ-tát dựa vào. Nhưng phát tâm Bồ-đề này, nói tóm lại gồm có hai thứ:

1. Nhân xuất thế gian.
2. Nhân không xuất thế gian.

Trong nhân xuất thế gian nếu đã phát tâm Bồ-đề rồi, thì vĩnh viễn không quên. Đấy gọi là nhân xuất thế gian.

Nhân không xuất thế, nếu tâm không vĩnh viễn trong sự thỏa mãn thì quên mất tâm đó. Lùi lại cũng có hai thứ:

1. Vĩnh viễn lùi lại.
2. Không vĩnh viễn lùi lại.

Trong vĩnh viễn lùi lại cũng có một số người lùi lại (nản lòng) nhưng vẫn còn khả năng phát sinh. Không vĩnh viễn lùi lại, hoặc có người vừa lùi lại xong, phát sinh ngay. Tuy nhiên, tâm người đó phải do bốn thứ nhân, bốn thứ duyên và bốn thứ năng lực mới có thể phát sinh.

Bốn thứ duyên là:

1. Thấy, nghe những sự kiện biến hóa hy hữu của Như Lai, nên phát tâm Bồ-đề.

2. Nhân đối với Bồ-đề vô thượng do nghe pháp mà thương xót, đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên phát tâm Bồ-đề.

3. Bồ-tát vì muốn cho chánh pháp được tồn tại lâu trong thế gian, nên phát tâm Bồ-đề.

4. Vì nhận thấy trong đời này, chúng sinh phải chịu mọi đau khổ trầm trọng, nên phát tâm Bồ-đề.

Bốn thứ nguyên nhân là gì?

1. Có đủ tánh.
2. Có đủ thiện tri thức.
3. Lấy tâm từ bi làm đầu.
4. Không sợ hãi cảnh đêm dài của thế gian, với đủ loại nguyên nhân sâu xa có được từ nghe.

Bốn năng lực là gì?

1. Tự lực.
2. Lực người khác.
3. Lực của nguyên nhân.
4. Lực của sự tu hành.

Tự lực là do năng lực của mình, đủ sức phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đấy gọi là tự lực.

Tha lực là do người khác khuyến khích, bảo mình phát tâm, đấy gọi là năng lực của người khác.

Trước đây đã được học pháp thiện của Đại thừa, thì đấy gọi là sức mạnh của nhân.

Trong giáo pháp hiện tại, thân cận thiện tri thức, trong suốt đêm dài, nghe, tư duy v.v... chánh pháp, học tập, thực hành mọi điều thiện không ngơi nghỉ, đấy gọi là năng lực tu hành.

Trong phần này, hoặc nói rộng hay giản lược. Vì bốn duyên và bốn nhân này dựa vào nhau, trông cậy vào nhau. Sức mạnh bên trong và sức mạnh của nguyên nhân, hai thứ này sẽ phát sinh tâm kia. Vì như thế, nên gọi là có lợi ích, gọi là kiên cố không lay động mà phát sinh. Năng lực người khác và năng lực tu hành làm nảy sinh tâm Bồ-đề kia, nên gọi là không làm dao động, làm mất đi, nên biết như vậy.

Sự đổi thay lùi lại của tâm Bồ-đề, cũng có bốn thứ: Vì không có tánh nên thuộc về ác tri thức. Không khởi tâm từ bi đối với mọi chúng sinh, và vì e sợ thế gian cho nên dù không quên tâm Bồ-đề, Bồ-tát cũng cố nhớ giữ tâm Bồ-đề kia, tu hành công đức với trí sáng suốt, đem căn thiện hỗ trợ đạo, Bồ-tát dù có tu tập các hạnh như thế, thì pháp thiện cũng đã diệt, vì nhân không tăng trưởng, nên nói là các pháp.

Kinh nói: Đức Phật nói với Ca-diếp: “Bồ-tát thành tựu bốn pháp thiện đã sinh, rồi diệt, không tăng trưởng... Những gì là bốn pháp? Chỉ vì tâm kiêu căng ngã mạn, đọc tụng sách vở, chú thuật của thế gian, như thế v.v...”.

Hỏi: Tại sao chỉ có bốn pháp, mà không nhiều không ít, nói đủ về nhân diệt, pháp thiện không tăng trưởng?

Đáp: Pháp thiện có bốn thứ làm cho diệt, không tăng trưởng. Đó là:

1. Không sinh diệt, không tăng trưởng.
2. Không có khả năng tăng trưởng, vì có diệt mà không có tăng trưởng.
3. Nhổ bỏ căn bản thì diệt, không tăng trưởng.
4. Tạo nghiệp và xa lìa thì diệt không tăng trưởng.

Trong đó, nguyên nhân pháp trắng diệt là do tâm kiêu ngạo, đọc tụng kinh điển thế gian, tìm tòi các chú thuật, không thể thông đạt sáu Ba-la-mật của Bồ-tát và pháp tạng của Bồ-tát. Có khi bỏ được tâm kiêu ngạo mà Bồ-tát còn tâm hy vọng, danh vọng, lợi dưỡng, ganh ghét điều người ta hơn mình, vì luôn lừa dối, mưu cầu chú thuật ở thế gian, không thể mong cầu các pháp tốt lành, trong trắng. Đã không sinh vì các pháp trắng đều bị diệt, nên có thể bị diệt hết. Trước kia đã có nhưng do điều kiện nghe, học tập yếu kém, nên pháp trắng mất, không tăng trưởng. Vì sao? Vì tham lam bám víu lợi dưỡng, danh vọng, thân cận các Đàn-việt.

Lợi dưỡng là y phục v.v..., cúng dường là lễ bái v.v... vì bám víu vào lợi dưỡng, danh vọng, nên nói là đắm mê lợi dưỡng, danh vọng vậy.

Vì đắm mê lợi dưỡng, danh vọng, nên sống tà mạng, nói rõ hơn là đắm mê của cải nuôi nấng mạng sống v.v... nên biết. Vì thân cận với gia đình Đàn-việt, nên đa số đều có tai họa trong sự thân cận. Nếu người kia đã có hai điều ngờ vực thì lại bảo vì như pháp mới được của cải, lợi dưỡng, rồi cho là nhân không diệt, đó là do ý thức dựa vào tính chất dua nịnh, quanh co v.v... không sống trong đạo Thánh. Đã đắm say danh vọng, lợi dưỡng như thế, đã thân cận các gia đình bạch y, đã có rất nhiều điều kiện thân cận, nên các pháp thiện đã nghe v.v... không tăng trưởng. Nghe mà không tăng trưởng, tức là các pháp thiện đã nghe v.v... thấy đều không tăng trưởng, vì làm cho nghĩa cùng diệt đi nguyên nhân căn bản và gia tăng sự chê bai Bồ-tát. Kiến thức ác đã gia tăng trở lại và chê bai pháp tạng Bồ-tát. Vì đã giận dữ nên càng tìm tòi, kể vạch các sự lầm lẫn của các Bồ-tát, vu khống các Bồ-tát bằng tội giả đặt, chê bai, cho Bồ-tát đó mắc phải tội rất lớn. Do gây nghiệp đó nên hết thấy pháp thiện đều bị bứng gốc và diệt sạch. Bị xa lìa, diệt sạch nguyên nhân nên chưa được nghe pháp, chưa từng hộ trì kinh kệ, mà lại chê bai pháp. Chưa nghe pháp, có nghĩa là chưa đạt đạo lý bằng nhĩ thức.

Chưa từng thọ trì là đã hiểu đạo, nhưng không đọc tụng, thọ trì, lại

chê bai các giáo pháp đã đốn ngộ và các kinh pháp. Vì nghĩa đó, nên Đức Như Lai mới nói kinh này. Trong Đại Ưu Ba Đề Xá cũng có nói nghĩa này. Nếu tà sư mà đi so đo lường tính ý Như Lai, thì người đó chỉ làm việc chế nhạo chánh pháp. Thế nên, phải xa lìa các pháp cùng tận, để các pháp trắng buộc phải bị diệt mất. Vì đối trị với điên đảo, nên làm rõ câu pháp trắng v.v... này, nên biết.

Thế nên, Đức Như Lai bảo Ca-diếp: Này Ca-diếp! Bồ-tát đã thành tựu bốn pháp, pháp thiện đã sinh, sẽ được chuyển biến tăng trưởng tốt đẹp, không để cho bị mất đi rồi lại chuyển biến cho được tốt đẹp hơn gấp bội. Bốn pháp đó là: Từ bỏ tà pháp, chỉ cầu chánh pháp, như thế v.v...

Chỉ cầu chánh pháp là thành tựu pháp tạng của sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, nghe chân chánh, là nghe phải chân chánh. Đã biết rõ chú thuật của thế gian là không đưa đến sự hiểu biết nhất định. Nói đưa đến hiểu biết, nhưng còn tùy thuận nơi tâm được khuyến khích. Tâm tốt lành, mềm mỏng, biểu lộ rõ ý nghĩa nào đó. Là cầu mong những ngôn ngữ chú thuật của thế gian hay là cội nguồn của mong cầu.

Bám víu ngã mạn, là tạo thành những việc chú thuật của thế gian, là mong cầu chú thuật của thế gian. Lời nói là thành tựu hay từ bỏ tâm niệm về lợi dưỡng, cung kính, danh vọng. Khuyến bảo nên bỏ tâm niệm trên mà mong cầu sáu pháp Ba-la-mật và nhận lấy pháp tạng của Bồ-tát. Lấy pháp, tài sản và lợi dưỡng làm đủ, từ bỏ tất cả mọi lối sống tà mạng và an trụ trong tánh tri túc của Thánh chúa, lấy lợi ích của pháp làm đủ. Như pháp là có được lợi dưỡng, tâm biết đủ.

Người từ bỏ hết thấy tà mạng, là lìa mình ra khỏi tâm quanh co, dua nịnh, an trụ trong tánh tri túc của Thánh chúa. Không có tâm mệt mỏi, vì được hay mất không phải do tâm.

Đã sống với chánh hạnh như vậy, Bồ-tát kia đã thành tựu hạnh lợi mình, lợi người, phòng vệ tâm niệm của người khác. Nếu có lỗi gì cũng không can gián, hay biện bạch là giả hay thật về tội lỗi của người, huống chi là vạch tìm các lỗi xấu của người. Bồ-tát này tu hành sáu pháp Ba-la-mật là kho pháp của Bồ-tát. Nếu tâm chưa thông đạt pháp chư Phật, thì chỉ có Phật làm chứng hiện thực mới biết được, nhưng cũng không có tâm chế nhạo. Vì sao? Vì Bồ-đề Phật là vô biên, mà ứn căn không phải là một để diễn nói các pháp, cũng như trau dồi các pháp.

Nói tổng quát, giản lược, nhưng sáng tỏ: Vì sao lụi mất, không thể tăng trưởng? Lụi mất như thế nào? Lụi mất bao giờ? Lụi mất pháp nào? Đó là chỉ rõ các pháp thiện vì sao lụi mất, không thể tăng trưởng? Lụi

mất như thế nào? Là do tâm kiêu ngạo, mong cầu ngôn ngữ chú thuật v.v... của thế gian. Nói lần lượt lùi mất bao giờ, là ngay trong pháp hiện tại và vị lai. Các pháp nào? Là đầy đủ bốn pháp. Trong pháp bằng hữu trong trắng cũng thế. Hết thấy pháp thiện nảy sinh và sinh như thế nào? Sinh lúc nào? Dùng thuyết nào để đối trị? Hơn nữa, các pháp này lần lượt thuộc về thứ kiêu ngạo nào? Các lợi dưỡng, hy vọng, mong cầu, lời nói chú thuật v.v... của thế gian, mong cầu chỗ nào tùy thuận. Đã trông thấy lợi dưỡng trong gia đình Đàn-việt nào, thì có thể thân cận gia đình ấy. Thân sẽ bị ràng buộc do lợi dưỡng, tiếng tăm. Tâm sẽ nổi ganh ghét keo kiệt, vì hết thấy gia đình Đàn-việt đều đã có Bồ-tát khác thân cận. Từ đó nổi giận khởi lên sự bêu xấu, nhân giận dữ đó lại chê bai người, đó là chê bai chánh pháp. Trong pháp trong trắng, vì lần lượt chứng minh các tai họa nên cần xa lìa kiêu ngạo v.v... Sáu pháp Ba-la-mật thuộc về chánh văn tu học của Bồ-tát, có thể tùy thuận theo pháp mà tu hành. Hành thuận theo pháp rồi thì như pháp được bố thí, lấy làm trí lượng. Từ bỏ hết thấy tà mạng, an lạc trong tánh tri túc của Thánh chúa. Tham đắm vào lợi dưỡng, tiếng tăm là nguyên nhân của sự chê bai. Không nói tội lỗi người khác. Dù thiệt hay giả vẫn không tìm chỗ khuyết điểm của người. Từ bỏ tâm chê bai, nên Bồ-tát có khả năng làm lợi ích. Sống như pháp là không chê bai pháp, từ bỏ mọi nguyên nhân làm tiêu diệt pháp trắng và các pháp. Tu hành các nguyên nhân không làm diệt pháp trắng. Từ bỏ làm những việc na ná như Bồ-tát. Từ bỏ luyện tập tâm ác làm ác. Tu hành tương tự tâm ngay thẳng của Bồ-tát. Học tập các hạnh rồi bảo người khác hãy sáng suốt nhận rõ về nỗi đau khổ của sinh, diệt, không gây việc rối cho ai.

Phật nói với Ca-diếp: Có bốn thứ tâm dua nịnh mà Bồ-tát thường phải rời bỏ. Đó là nên từ bỏ tâm nghi ngờ, hối tiếc, không quyết định rõ ràng đối với pháp Phật.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Vì có bốn cách dua nịnh v.v... nên mới có bốn thứ tâm dua nịnh. Đó là bốn thứ dua nịnh, nên biết. Những gì là bốn?

1. Dua nịnh đối với thừa.
2. Giáo hóa tiếp nhận sự dua nịnh.
3. Dua nịnh hỗ trợ công đức.
4. Dua nịnh hỗ trợ trí.

Dua nịnh đối với thừa là ngờ vực, mê lầm, không quyết định rõ ràng v.v... đối với pháp Phật, không cung kính tôn trọng, cũng không kính trọng các giới pháp. Do vậy, nảy sinh nghi ngờ, mê lầm pháp Phật

v.v... Từ đó sinh tâm không tin vào Đại thừa mà cứ lạng lẽ làm.

Do đã sinh nghi, có ý tìm đức lớn nên bị mê hoặc, do đó trí không nắm bắt được pháp Phật, không có quyết định sáng tỏ. Giáo hóa, tiếp nhận nguyên nhân đua nịnh là phát sinh tâm kiêu căng, ngạo mạn, giận hờn, ý tưởng hư vọng đối với chúng sinh, âm thầm giáo hóa với tâm kiêu ngạo. Không có khả năng chỉ lối do ý tưởng hư vọng ngạo mạn giận hờn. Các tôn sư và đệ tử đều khuyên giải, can gián họ, trong những công việc hữu ích, vô ích v.v... nên biết. Nguyên nhân đua nịnh hỗ trợ công đức là sinh tâm ganh ghét, keo kiệt, đối với lợi dưỡng của người khác.

Thấy người khác được lợi dưỡng, phát sinh ý nghĩ ganh ghét, giận dữ, gây rắc rối. Hoặc thấy ai xin thì sinh tâm luyến tiếc, đấy gọi là keo kiệt.

Đã phát sinh tâm ganh ghét, keo kiệt, hừng hực mãnh liệt, thì đối với hỗ trợ trí tuệ công đức bị giới hạn không tu hành, nên các trí tuệ công đức liền lụi mất.

Nhân của đua nịnh quanh co hỗ trợ trí là bêu xấu các Bồ-tát, nào là tên ác, gọi ác, hành động ác v.v... Những việc về tên ác, trước đây đã giảng giải ở câu: Vì các Bồ-tát mà nói điều ác, là nói đến kinh Đại thừa, nên biết. Vì chê bai Đại thừa, nên đối với trí hỗ trợ đạo, Bồ-tát mặc nhiên rơi vào lưỡi biếng, không tu hành, nên trí trong việc tu đạo bị lụi mất. Vì do việc làm này nên nói là bè bạn, nên biết.

Để đối trị với tâm niệm quanh co đua nịnh, Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ chân tướng chân thật, ngay thẳng. Những gì là bốn? Là hoàn toàn không che giấu các tội phạm, nghĩa là đều hướng về người khác phát lồ. Việc phát lồ có người nói đó là có tội thì sám hối. Do sám hối như thế, nên sau này không nảy sinh việc hối hận v.v... vì đã phát sinh điều thiện. Không màng đất nước của cải để tìm sự thật, đó là thị hiện bố thí không tiếc.

Thân mạng khó được mà còn bỏ, không dựa vào cái gì khác, không nêu ra chuyện gì khác. Từ bỏ như vậy khiến kẻ khác bị mê hoặc, trong khi đó ý này nhằm chuyện khác. Trong tất cả điều ác, như mắng nhiếc, chê bai, đánh đập, trói buộc, gây những tổn hại, khi nhận lãnh hậu quả thì mới tự trách mình, tự nhớ lại nghiệp báo, chừng đó y mới hết giận hờn người khác. Các câu này còn có ý nghĩa gì khác?

Mắng nhiếc là nói dối không thật. Giận dữ là giả hay thật đều nói. Gây nổi khổ cho người khác là nói đến đồng họ v.v... nói đến các việc ác. Chê bai nhận lấy để thật thấy rõ ràng cái ác. Trách mắng đánh đập

là trong tự thân có đủ các duyên. Trách kể là có đủ ba nghiệp. Đánh đập là dùng các bộ phận thân, tay chân v.v... Giết hại là tay cầm dao gậy. Trói buộc là dùng dây buộc lại. Trong những sự kiện như thế, chỉ tự trách cứ ở nghiệp báo mình, nguyên nhân là ở nghiệp báo thiện ác. Không giận hờn người khác, là không để tâm giận hờn v.v... không có mọi kiết sử, là không ôm ấp kiết sử giận hờn.

Bồ-tát khéo an trụ kiên cố trong niềm tin và ước muốn. Giả sử có người không thể tin tưởng ở pháp của chư Phật, Bồ-tát có thể làm người ấy tin bằng tâm thanh tịnh, nói rõ thân tâm đều thành tựu từ trong pháp Đại thừa.

Đối với pháp của chư Phật, do tâm niệm nghi ngờ, nên không tu tập hạnh giới, khiến mọi người hành theo tà hạnh. Bị tà hạnh nên sinh tâm lợi dưỡng, keo kiệt, ganh ghét. Vì không thể chế ngự tâm ganh ghét, nên thấy nghe các Bồ-tát có công đức, lợi dưỡng, thì phát tâm chê bai, bêu xấu. Trong pháp bằng hữu trong trắng lần lượt cũng có việc nương nhờ vâng giữ giới pháp. Người khéo giữ giới là khéo giữ gìn lời chân thật. Giữ gìn lời chân thật, là tùy thuận pháp nhẫn nhục. Do đủ sức nhẫn nhục nên được thân tâm thanh tịnh, do vậy, có khả năng tin tưởng chánh pháp của chư Phật.

Nói giản lược: Sự quanh co, dua nịnh, gọi là tâm hổ thẹn. Quanh co dua nịnh thường biểu lộ ở đâu? Trong pháp của chư Phật và do chúng sinh. Quanh co dua nịnh trong lúc nào? Trong pháp hiện tại, tập mà không xả, cũng đến tận đời vị lai, tùy thuận hết thảy pháp. Tùy thuận thì đã nói bốn câu gồm hai thứ, là tùy thuận hết thảy tướng chân thật, ngay thẳng. Nghĩa đó như thế nào? Lúc nào? Hết thảy có ghi chép được đối trị do pháp trắng, nên biết. Các Bồ-tát can gián tâm dua nịnh quanh co bằng tâm niệm chân thật, ngay thẳng.

Do có tâm niệm chân thật, ngay thẳng, nên Bồ-tát nói các nghĩa điều phục, để phòng hờ những quanh co dua nịnh. Bồ-tát khuyên họ điều phục, chỉ rõ cách điều phục, không điều phục. Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn thứ tướng hư hoại không điều phục tâm. Đó là:

- Đọc kinh điển mà sinh hý luận.
- Không làm, không sống theo pháp tùy thuận.
- Không điều phục tâm, làm rơi tàn hết các lời răn dạy.

Tại sao chỉ nói có bốn pháp? Vì trong pháp hữu vi có bốn thứ nguyên nhân không điều phục tâm phân tán, hư hoại.

Bốn pháp không điều phục tâm phân tán, hư hỏng là:

1. Lĩnh vực không điều phục, nên phân tán hư hỏng.

2. Phát triển không điều phục tâm, nên phân tán, hư hỏng mọi hạnh.

3. Không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong sự thọ dụng.

4. Không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong sự cư trú chung.

Trong đó, không điều phục tâm phân tán, hư hỏng, còn gọi là không khéo léo điều phục, nó ví như con ngựa hung dữ. Bốn pháp không điều phục tâm phân tán này có thể gây chướng ngại cho sự tu tập hạnh Bồ-tát kia, nên gọi là pháp phân tán không điều phục.

Khi lắng nghe pháp và ngay ở nơi tu hành mà nảy sinh hý luận là nguyên nhân của lĩnh vực không điều phục tâm phân tán, hư hỏng. Ví như con ngựa dữ không bị điều phục. Vì không bị điều phục, nên trở lại ở yên chỗ cũ. Bấy giờ, không thể thiện trụ, lại càng không thể điều phục, không thể phân tán hư hỏng. Bồ-tát cũng thế, nghe nhiều (học rộng) nghĩa pháp. Vì nghe nhiều, học rộng, nên tâm không điều phục. Được các thiện tri thức khuyên bảo đúng đắn, khiến tu hành các pháp và thứ pháp, nhưng không thể chánh trụ. Các lời răn dạy không thể lãnh thọ pháp hạnh đúng đắn. Đấy gọi là nguyên nhân phát triển việc không điều phục tâm, phân tán hư hỏng, ví như không điều phục được con ngựa hung dữ, đặt nó vào đường chánh. Do không điều phục nên theo hướng cõi ác. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, dù được các thiện tri thức khuyên bảo tu hành các pháp và thứ pháp, nhưng với các lời răn lại đem ngay tâm niệm điên đảo mà phân biệt, tức là ngược ngạo cướp lấy gây tổn thương cho người tín thí, cúng dường, cung kính. Đấy gọi là nguyên nhân không điều phục tâm phân tán, hư hỏng trong tiếp nhận, tiêu dùng. Ví như ngựa dữ không bị điều phục mà cho ở chung với các con ngựa được điều phục, thì con ngựa dữ này vẫn sống khác các con ngựa kia. Do vậy nên nói không điều phục. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, dù ở chung một chỗ với Bồ-tát được điều phục, nhưng vì đã rĩ rất giới hạnh, đã nhận của cải cúng dường, sự cung kính của tín thí để trở thành hối hận, vì không sống giống như Bồ-tát giới điều phục đã sống, không ưa tri kiến phát sinh tâm chê bai, không tỏ lòng cung kính những Bồ-tát giới điều phục. Đấy gọi là nguyên nhân nơi ở không điều phục tâm phân tán, hư hỏng, ví như ngựa dữ không bị điều phục mà cho ở chung một chỗ với ngựa bị điều phục. Vì không bị điều phục nên tâm không thấy vui vẻ. Người giới điều phục và người không điều phục cùng ở chung một chỗ cũng thế. Bồ-tát không điều phục cũng lại như thế, vì mình duyên vào tà chấp nên không thấy tâm vui vẻ khi ở chung với các Bồ-tát giới điều phục. Bồ-tát giới điều phục cũng lại như thế.

Điều là các giác quan được làm chủ trọn vẹn. Phục là một lòng dập tắt mọi hành vi ác để được hạnh tốt đẹp. Thay đổi tất cả pháp đen, đối trị bằng cách nói lên pháp bằng hữu trong trắng.

Kinh nói: Khéo nói cho kẻ nghe, nghe rồi tin và thực hành như lời đã nói. Nướng tựa vào pháp chứ không dựa vào lời nói của người. Không phải lấy tâm ganh ghét dành lấy phần hơn, chỉ lắng nghe chánh pháp, mong được ích lợi, chứ không tìm tòi soi mói để thấy mọi khuyết điểm của người.

Bồ-tát làm các việc đó thì thường được gặp pháp không rời thiện tri thức. Dựa vào lời thầy dạy bảo, vâng làm một cách hoàn thiện những lời nói của thầy, không trái ý của thầy, không lười giới định. Các câu này còn có nghĩa khác:

Những điều thầy răn dạy, nói chung là khuyên bảo làm mọi việc thiện.

Dùng thí dụ lời nói là nghe nói những điều thiện, ác, đều nhẫn nhục.

Mọi việc làm đều thiện, là mọi lúc đều không vi phạm giới cấm, đều không làm trái ý thầy. Tâm luôn cung kính tôn trọng lời thầy răn dạy.

Làm các việc như vậy, Bồ-tát thường được gặp thiện tri thức, không lìa khỏi A-lan-nhã, giới định không thụt lùi. Dùng tâm điều phục mà nhận sự cúng dường là giới định đã không thụt lùi. Càng làm sáng tỏ giới hơn nữa.

Đã làm các việc làm đó thì Bồ-tát thường không xa lìa hạnh công đức của bậc thiện tri thức. Hết thấy các Bồ-tát đã khéo điều phục, tùy thuận, thì sẽ tỏ lòng cung kính, yêu thích, tùy thuận người tốt lành, khuyến khích mọi người tiếp nhận hạnh tùy thuận, để hưởng đến tùy thuận ý, tùy thuận các công đức, vì mục đích để được lợi ích.

Hỏi: Các câu này còn có nghĩa gì khác?

Đáp: Trong đây, giới điều phục và tùy thuận thì trước đã nói. Còn cung kính, yêu thích là chỉ rõ tâm niệm vui mừng, cung kính tôn trọng. Tùy thuận xuôi theo là ưa hiểu biết. Tùy thuận ý là ý muốn thân cận chân chánh. Tùy thuận các công đức là ý muốn ưa nghe pháp. Khiến họ được lợi ích là ý muốn tùy thuận thực hành pháp này. Làm các việc làm đó, thì Bồ-tát thành tựu không xa lìa thiện tri thức, được đứng đầu trong chúng.

Nói tóm lại là thế nào? Là điều phục, tùy thuận, là không điều phục, tùy thuận bên sự việc hư hỏng. Làm thế nào mà có được? Là chỉ

nhờ nghe v.v... Vào lúc nào? Là pháp ở hiện tại và vị lai, được học tập không ngừng. Do các tướng nào? Là đầy đủ bốn pháp, là thực hành pháp đối trị bằng nghe v.v... bằng nói pháp bằng hữu trong trắng v.v... nên biết.

Bắt đầu nói tiếp: Thực hành tâm ngạo mạn đối với pháp nghe v.v... Tùy thuận hành chánh pháp và thứ pháp v.v... xong, không hành như pháp đối với điều truyền dạy chân chánh. Do vậy, sử dụng mọi việc của tín thí dễ khiến kẻ ấy rơi vào lĩnh vực bất lợi, vì tâm xen tạp như bản, ô nhiễm.

Thấy các Bồ-tát đã khéo điều phục tâm mình rồi, mà không nỷ sinh cung kính, thì đối trị bằng cách lần lượt nói pháp bề bạn trong trắng v.v... nên biết.

Can gián trong các pháp không điều phục, là khuyên bảo tu tập pháp điều phục v.v..., sống vững trong pháp điều phục và phòng ngừa pháp lầm lẫn của Bồ-tát v.v... Khuyên tu tập pháp không lầm lẫn, nên nói những lầm lẫn trong pháp không lầm lẫn.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn pháp lầm lẫn. Bốn pháp đó là: Với chúng sinh chưa được tín thọ giáo hóa, mà cùng đồng ý, đó là Bồ-tát lầm lẫn, thậm chí còn gồm thâu cả những kẻ ác phá giới v.v..., đó là Bồ-tát lầm lẫn.

Hỏi: Vì lý do gì chỉ nói bốn pháp?

Đáp: Vì dựa vào bốn pháp lầm lẫn để nói Bồ-tát có bốn thứ lầm lẫn. Bốn thứ đó là:

1. Lầm lẫn vì không thực hành.
2. Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng.
3. Lầm lẫn vì thực hành sai.
4. Lầm lẫn vì làm điều ác.

Lầm lẫn vì không thực hành: Là đối với chúng sinh chưa thọ nhận sự giáo hóa mà đồng ý với họ. Dựa vào sự giáo hóa chúng sinh, khuyên bảo họ đạt đến quả vị cứu cánh. Nói pháp mà làm đứt mất tâm tin tưởng, cung kính của chúng sinh thì đó là sự lầm lẫn của Bồ-tát.

Lầm lẫn vì vượt quá dung lượng, là nói pháp vi diệu thù thắng cho kẻ không có trình độ nghe nổi hay đối với kẻ Tiểu thừa mà mong cầu Đại thừa, lại không tùy thuận trình độ mà nói, đó là Bồ-tát lầm lẫn. Lầm lẫn vì thực hành sai, là người có trình độ cao mà đi nói pháp Tiểu thừa, hay đối với người Đại thừa cầu học Tiểu thừa, nói pháp mà không theo trình độ, đó là sự lầm lẫn.

Lầm lẫn vì làm điều ác, là đối với kẻ sống theo chánh hạnh, giữ

giới đúng pháp, đối với sự trừng phạt phạm tội không cung kính, phá giới lại có tâm thiên vị, nói pháp lộn ngược cả.

Giữ giới ở đây có ba nghĩa, nên biết.

Sống với chánh hạnh là không có nghiệp phạm giới. Giữ giới là không thiếu sót các giới điều. Pháp chân thật là pháp kính trọng giới. Có hai thứ tướng mà giải thích trở thành kẻ phá giới, phá giới là thiếu sót giới điều.

Pháp ác là không kính trọng các giới. Lầm lẫn là duyên nơi tà đạo và chỉ dạy tà đạo, nên biết.

Bốn câu lầm lẫn này chỉ rõ việc nói pháp có bốn cách:

1. Không nói.
2. Không nói tương tự.
3. Nói không thích hợp trình độ.
4. Nói điều ác.

Không nói: Tổ vẽ mặt mỗi trước và sau khi nói pháp xong, vậy là đã nảy sinh tâm niệm ác.

Không nói tương tự: Là nói không có phương pháp rõ ràng.

Không hợp trình độ là chỉ ưa thích pháp Tiểu thừa.

Nói ác là giáo huấn khuyên răn với tâm mong cầu lợi dưỡng.

Tâm ác thì không nói pháp, vì căn thiện lui mất, không còn khả năng đầy đủ. Do vậy chỉ là lừa dối người ta. Vì không có phương cách khôn khéo để nói pháp, cho nên không gồm thâu được các kẻ có căn thiện cao. Thành thử kẻ vụng về kia chỉ theo pháp Tiểu thừa, tách xa khỏi căn thiện cao thượng. Lại nữa, khi dạy bảo mà có tâm mong cầu lợi dưỡng, nên không có được bao nhiêu công đức, chỉ là làm cho điều ác mạnh lên thôi. Lừa dối người ta thì đối trị việc xấu đó bằng cách nói pháp bạn bè trong trắng, nên biết.

Kính nói: Đối với các chúng sinh, tâm Bồ-tát đều phải bình đẳng, cho đến khuyên bảo chúng sinh cũng phải bình đẳng sống với chánh hạnh.

Tâm Bồ-tát đều bình đẳng đối với mọi chúng sinh, nghĩa là của mình và người là như nhau. Nói pháp cho kẻ không có lòng tin sâu xa, hay kẻ được giáo hóa nhưng chưa thành thực, phải đề phòng để không gây nên sự lầm lẫn.

Đối với tất cả chúng sinh tâm đều bình đẳng khi nói pháp, hết thảy đều bình đẳng đối với pháp, nên gọi là pháp bình đẳng.

Đối với kẻ ưa chuộng Tiểu thừa v.v... không có trình độ mong cầu Đại thừa, thì tùy năng lực nói pháp, đề phòng sự lầm lẫn, vì nó vượt quá

dung lượng, nên biết. Cho nên nói pháp phải theo trình độ.

Giáo hóa hết thấy chúng sinh để họ đều đạt trí tuệ Phật, thì với chúng sinh có trình độ tin ưa Đại thừa, nhưng lại đi học pháp Tiểu thừa, nên khuyên bảo họ đạt trí tuệ Phật, đề phòng sự lầm lẫn do thực hành, nên biết.

Khiến cho hết thấy chúng sinh bình đẳng trụ trong chánh hạnh, là mình phải từ bỏ lợi dưỡng, tiếng tăm, có tâm bình đẳng với kẻ giữ giới cũng như kẻ phá giới, nói pháp cho họ như nhau. Phải ngăn ngừa điều ác và việc lầm lẫn, nên biết. Đối với việc can gián, Bồ-tát không can dự, không gằn gũ. Điều đó chỉ rõ lý do có nên gằn gũ hay không.

Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải là thiện tri thức, không phải là bạn lành v.v... Bồ-tát thường xuyên nên xa lìa. Hạng người mong cầu Tiểu thừa, họ chỉ nhắm vào tư lợi, nếu gằn gũ họ chỉ được lợi cho thế gian, không lợi ích gì cho chánh pháp.

Hỏi: Tại sao nói chắc là chỉ có bốn pháp?

Đáp: Do họ không phải là thiện tri thức. Bốn hạng người đó là:

1. Trong thừa này, họ không phải là thiện tri thức.
2. Trong hạnh này, họ không phải là thiện tri thức.
3. Trong pháp Phật, họ không phải là thiện tri thức.
4. Trong chánh pháp, họ không phải là thiện tri thức.

Người Tiểu thừa là người chỉ mong cầu lợi mình, không đem lại ích lợi cho người khác. Nết hạnh họ gằn như hẹp hòi, thấp kém. Họ khuyên bảo Bồ-tát xa lìa pháp Đại thừa. Do vậy, họ không phải thiện tri thức trong thừa này.

Hạng mong cầu Duyên giác, là hạng ít ham muốn, ít làm, chỉ lo lĩnh vực tu hành, trái với lợi ích của chúng sinh. Họ khuyên Bồ-tát xa lìa các việc làm lợi ích cho chúng sinh. Vì không làm lợi ích cho chúng sinh, nên mất cái nhân của hạnh. Do vậy, họ không phải thiện tri thức ở trong hạnh này.

Lỗ-già-gia-đà là nói những lời kỳ lạ, khuyên bảo xa lìa pháp Phật. Vì xa lìa pháp Phật nên mất cái nhân của hạnh. Do vậy, họ không phải thiện tri thức trong chánh pháp.

Nếu thân cận với họ mà chỉ có lợi ích thế gian, không có ích lợi gì cho pháp. Do vậy, ở trong pháp thiện mà khuyên tu thì trở thành lý do thụt lùi. Do nguyên nhân lui mất pháp thiện nên gọi họ không phải là thiện tri thức trong chánh pháp. Đối lại có bốn hạng thiện tri thức.

Kinh nói: Các người đến cầu xin là thiện tri thức của Bồ-tát, là người có nhân duyên với đạo Phật. Do không làm đứt mất pháp Đại

thừa nên gọi là thiện tri thức của Bồ-tát.

Bồ-tát nghĩ thế này: Do dựa vào người đến cầu xin mà họ là thiện tri thức, nên ta càng tu tập vô lượng công đức để hồi hướng Bồ-đề vô thượng, đó mới là tu hành không hư vọng.

Do không mong cầu Tiểu thừa, nên việc tu tập bố thí chỉ làm lớn thêm căn thiện của Bồ-tát, do vậy không mất hạnh Đại thừa. Người nói pháp là thiện tri thức của Bồ-tát, người phát sinh trí tuệ và chí khí thì không mất hạnh đối trị. Do học rộng nên có thể giúp người khác nói pháp. Thế nên, không cần cầu sự thiếu dục, nên trí tuệ uyên bác, chí khí thuần thành, dù gặp phải nỗi đau khổ của thế gian, nhưng Bồ-tát vẫn không thấy mệt mỏi trong việc giáo hóa con người để cho họ được xuất gia, đó là thiện tri thức của Bồ-tát.

Ý chí thuần thành, sẽ tăng trưởng các pháp thiện, là lý không làm đứt mất chánh pháp. Để đối trị, nên khuyên xuất gia. Do căn thiện thuần thực nên xa lìa được mọi tà hạnh, làm lợi cho mọi người vẫn không thấy mỏi mệt, chán nản, thoái lui.

Chư Phật Thế Tôn gọi là thiện tri thức của Bồ-tát, với chí khí thuần thành làm tăng trưởng tất cả pháp Phật. Là đối trị với việc không làm mất pháp Phật. Điều đó chỉ rõ nếu được chư Phật giáo hóa nhiều thì càng không làm lui mất tâm Bồ-đề.

Đức Thích-ca thành đạo vì không vướng mắc lợi dưỡng, tiếng tăm v.v..., người nào đã ham mê lợi dưỡng, tiếng tăm, thì họ sẽ xa lìa, làm lui mất pháp chư Phật. Thuần chí tu tập pháp chư Phật cho đến gom góp sức mạnh của căn thiện thì không thể lui mất. Vì nghĩa đó, nên từ chỗ không phải là thiện tri thức, nhưng đã can gián, khuyến khích họ tu tập được chân thật như thế, thì đó là việc làm của hạnh Bồ-tát, nó chứng minh tướng như thật và không như thật của Bồ-tát.

Đức Phật nói với Ca-diếp: Bồ-tát có bốn hạng không phải Bồ-tát mà chỉ là na ná như Bồ-tát.

Bốn hạng đó là: Hạng Bồ-tát ham mong cầu lợi dưỡng chứ không phải cầu pháp, ưa tụ tập đồ chúng chứ không thích hạnh xa lìa.

Hỏi: Vì sao chỉ nói có bốn pháp?

Đáp: Do có bốn thứ không phải là tướng Bồ-tát, nên nói chỉ có bốn thứ chẳng phải này:

1. Giống như nghe nhiều, học rộng.
2. Giống như A-lan-nhã.
3. Giống như tạo tác hạnh công đức.
4. Giống như dẫn dắt các đồ chúng.

Tham cầu lợi dưỡng mà không cầu pháp, nghĩa là Bồ-tát này mong cầu lợi dưỡng đối với mọi người vốn có lòng tin. Dù vẫn vâng giữ chánh pháp, nhưng gọi là Bồ-tát không như thật, chẳng phải như thật.

Tham cầu tiếng tăm, khen ngợi đức độ của mình, không mong cầu công đức xuất thế, nghĩa là Bồ-tát này ham tiếng tăm, dù là ở A-lan-nhã, nhưng đây là không như thật, chẳng phải như thật. Ham tìm ưa thích riêng không có khả năng cứu vớt mọi thống khổ của chúng sinh, là vì bị trói buộc do tâm niệm mong cầu lợi dưỡng. Do vậy, dù làm mọi công đức, Bồ-tát này vẫn gọi là không như thật, chẳng phải như thật.

Thích tụ tập đồ chúng, không ưa xa lìa, nghĩa là bị trói buộc do tâm mong cúng dường, cung kính. Dù là người đứng hàng đầu trong chúng, nhưng Bồ-tát này vẫn gọi là hành không như thật, chẳng phải như thật hành. Bồ-tát đã hành các hạnh như vậy, thì bao công đức tạo được dù là ở A-lan-nhã, dù đứng đầu trong chúng, cũng đều mất hết giá trị. Chống lại tệ hại đó, nên nói đến các công đức chân thật, nên biết như vậy.

Kinh nói: Ai có khả năng tin hiểu về không, giải thoát... thì không ưa những việc lợi dưỡng. Còn tin hiểu về nghiệp báo thì đó là nhân để ưa thích các pháp. Vì ưa pháp, nên nghe và tu tập vô lượng công đức nhân, tất cả đều vô ngã và sở hữu của ngã. Vì nhân nhục, vô ngã, nên không ưa thích sự dính mắc vào danh vọng, tiếng khen v.v... Đối với tất cả chúng sinh, phát sinh tâm đại bi. Dùng tâm đại bi mong được công đức của Bồ-tát và chứng nhập ý Niết-bàn. Vì ý Niết-bàn nên không ưa niềm vui riêng cho mình và do vậy không từ bỏ việc làm cho thế gian. Do không từ bỏ thế gian, nên luôn cứu vớt chúng sinh khổ. Vì giáo hóa chúng sinh, nên tâm không bỏ rơi chúng sinh, mà lo làm việc bố thí, vì hành bố thí nên khéo biết công đức của chúng sinh. Tuy tu hành bố thí, nhưng Bồ-tát không mong được trả ơn. Do ưa vắng lặng, yên tĩnh, nên làm việc bố thí không mong cầu được đền đáp.

Hỏi: Trong bạn bè trong trắng, đã diễn nói các pháp tin, ưa, thì đâu cần gì nói đến pháp không v.v...?

Đáp: Việc làm bố thí là nhằm hỗ trợ các hành đạo có ý nghĩa là cùng chung làm các việc của Thanh văn, Duyên giác v.v... nhưng vì muốn nghe đến hạnh thù thắng của Bồ-tát và nảy sinh tâm niệm do dự. Người này vì muốn diễn nói pháp không cùng chung với Thanh văn, Duyên giác, để hỗ trợ cho việc thành tựu chánh giác, là pháp của các Bồ-tát.

Chú thêm:

Luận này là quyển thứ nhất trong Tạng kinh đời nhà Tống, so với

văn nghĩa của bốn Tạng thì khác xa, nên chưa biết nên lấy hay bỏ.

Theo Khai Nguyên Lục ghi: Theo bản chú thích cũ, bên phải có riêng một quyển kinh Đại Bảo Tích, là hội Bảo Tích thứ bốn mươi ba, tức là bộ kinh Bảo Tích này. Hội Bồ-tát Phổ Minh thứ bốn mươi ba có một quyển bị thất lạc bản dịch. Theo bản dịch cũ bên phải thì có một quyển kinh Đại Bảo Tích riêng. Gồm bốn quyển có thích luận. Nay kiểm nghiệm lại nguyên quyển đầu của bản in đời Tống thì hoàn toàn là kinh Bảo Tích kia, không phải văn luận.

Thế thì bản in đời Tống đã sai, vì đã đem bản kinh thêm vào chữ luận là luận ở quyển đầu. Vả lại, Lưu Chi dịch thì sao?

Hôm nay, lấy hai bản làm chính thức. Bản kinh đã được giải thích kia chính là quyển thứ một trăm mười hai trong Đại kinh này.

Các Hiền giả sau này muốn biết rõ sự kiện hôm nay đã bỏ đi bản in đời Tống ở quyển đầu là vì lý do gì, xin xem ở kinh kia thì sẽ rõ.

* * * * *